

Bản án số: 143/2026/HS-PT
Ngày: 20 -5 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang

Ông Phạm Tiến Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Lâm Đông Đông, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên Tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 122/2026/TLPT-HS ngày 26 tháng 03 năm 2026 đối với bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đồng Nai.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Trần Như C, sinh ngày 31/12/1994, tại Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Số CCCD: 0750940074xx; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Sửa xe; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số nhà E, tổ A, khu phố A, phường L, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai); con ông Trần Văn T, sinh năm 1968 và bà Phạm Ngọc P, sinh năm 1966; vợ: Đặng Thị Bích D, sinh năm 1993; có 02 người con, sinh năm 2023 và năm 2024; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2012/HSST ngày 07/5/2012 của Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (H) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2012. Chấp hành xong hình phạt ngày 31/10/2013.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/3/2001, tại Đồng Nai; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Số CCCD: 0752010052xx; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Sửa xe; nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Số D, tổ A, ấp T, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đồng Nai); con ông Nguyễn Anh K, sinh năm 1971 và bà Trần Thị Ngọc H1, sinh năm 1977; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1989. *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Khu phố S, xã C, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đ).

2. Anh Nguyễn Huy H2, sinh năm 1986. *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đ).

Là đại diện hộ kinh doanh Trung tâm hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa và mua bán phụ tùng ô tô (Gara H).

Địa chỉ liên hệ: Đường H, ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đ).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Anh M, sinh năm 1993. *(Vắng mặt)*

Nơi cư trú: Ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Như C và Nguyễn Minh N là nhân viên rửa xe và chăm sóc xe của G1 (G) tại ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đ) do anh Lưu Văn Q và anh Nguyễn Huy H2 làm chủ. Do không có tiền tiêu xài, nên N đã nói với C lấy tài sản của G mang bán để giải quyết tiền lương tháng 4/2025 do chủ G còn thiếu, thì được C đồng ý. Sau đó, cả hai cùng nhau bàn bạc để lấy trộm 07 cặp đèn ô tô (nhiều nhãn hiệu) gồm 05 cặp (10 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color và 02 cặp (4 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT để ở kệ trang trí. Sau khi bàn xong thì N gọi điện thoại cho Nguyễn Anh M để trao đổi việc mua bán các tài sản trên và hẹn M sắp xếp thời gian qua G để xem hàng.

Đến khoảng 15h ngày 08/5/2025, M đến G, lúc này không có anh Q và anh H2 ở đây, M xem hàng và đồng ý mua, nên C và N đã lấy 04 thùng Carton bỏ 07 cặp đèn ô tô (nhiều nhãn hiệu), gồm 05 cặp (10 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color và 02 cặp (4 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT vào và bê ra xe cho M chở đi. N và M thỏa thuận giá bán các tài sản trên là 6.400.000

đồng, M đã chuyển đủ tiền vào số tài khoản của C. C nói với N số tiền này để Cao lấy hết vì lý do con đang bị bệnh thì được N đồng ý.

* Tại kết luận định giá tài sản số 583/KL-HĐĐGTS đề ngày 15/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: 05 cặp (10 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color (đã thu hồi được 02 cặp) có giá 8.500.000 đồng. 02 cặp (4 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT (đã thu hồi được 01 cặp) có giá 5.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 13.500.000 đồng.

* Vật chứng vụ án và xử lý vật chứng:

- 02 cặp (4 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color, 01 cặp (2 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT do anh Nguyễn Anh M giao nộp. Quá trình điều tra xác định số đèn trên là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Huy H2 (hiện anh Lưu Văn Q đã ủy quyền cho anh H2 để giải quyết toàn bộ vụ việc trên). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả các tài sản trên cho anh H2 theo quy định pháp luật (bút lục số 132).

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ đoạn dữ liệu camera ghi nhận hình ảnh Trần Như C và Nguyễn Minh N lấy và bán 05 cặp (10 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color và 02 cặp (4 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT cho Nguyễn Anh M vào ngày 08/05/2025.

* Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Huy H2 yêu cầu Trần Như C trả lại số tiền tương đương đối với 02 cặp đèn bi pha, 01 cặp đèn bi gầm. Ngày 25/11/2025 C đã bồi thường, khắc phục cho anh H2 số tiền 7.000.000 đồng. Anh H2 không yêu cầu gì về dân sự và có đơn bãi nại đối với Trần Như C.

Anh Nguyễn Anh M không biết các tài sản trên do các bị cáo trộm cắp mà có và không yêu cầu gì về dân sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai đã tuyên xử:

1. Về tội danh. Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt.

- Căn cứ điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Như C 10 (*Mười*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

- Căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 08 (*Tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của các bị cáo khác, vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/02/2026, bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Trần Như C vẫn giữ nguyên kháng cáo, bị cáo Nguyễn Minh N kháng cáo xin được hưởng án treo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm nhận định.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, vật chứng thu giữ nên có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 08/5/2025, tại Gara H thuộc ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, Thành phố Đ), các bị cáo Trần Như C, Nguyễn Minh N đã bàn bạc cùng nhau lén lút lấy trộm tài sản của anh Lưu Văn Q và anh Nguyễn Huy H2, gồm 05 cặp (10 cái) đèn bi gầm ô tô, nhãn hiệu Fujiek G2S 3 color và 02 cặp (4 cái) đèn bi pha ô tô, nhãn hiệu HD LIGHT, để bán cho Nguyễn Anh M, nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo kết luận định giá là 13.500.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Minh N và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Như C thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần có một hình phạt thật nghiêm, tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như các bị cáo

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Như C tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, đang nuôi con nhỏ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Minh N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo C và N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Trần Như C có nhân thân xấu, từng bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đ) xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2012/HSST ngày 07/5/2012 nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, không lo tu dưỡng bản thân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo C không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo C không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên mức hình phạt như Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh N có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, giá trị tài sản bị chiếm đoạt thấp, bản thân bị cáo không được hưởng lợi từ số tiền bán tài sản trộm cắp có được. Đồng thời, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, bị cáo chấp hành tốt chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, cho thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo được cải tạo tại địa phương không gây nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật là phù hợp.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, đối với bị cáo N không phù hợp nên không được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Như C phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo Nguyễn Minh N không phải chịu.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Như C.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Như C.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh N.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Minh N.

1. Về tội danh: Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Như C và bị cáo Nguyễn Minh N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt.

Căn cứ điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Như C 10 (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào cơ sở giam giữ chấp hành án.

Căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh N 08 (Tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (20/5/2026).

Giao bị cáo Nguyễn Minh N cho UBND xã X, Thành phố Đ giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Bị cáo Nguyễn Minh N phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Như C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2026/HS-ST ngày 05/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Nai;
- PV 06 Công an TP Đồng Nai;
- TAND, VKSND KV6 - Đồng Nai;
- THADS TP Đồng Nai (P. THADS KV6);
- Trại tạm giam số 2 Công an TP Đồng Nai;
- Các bị cáo;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, THS, VT (16b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA*****(Đã ký và đóng dấu)*****Nguyễn Thị Nga**